

**CÔNG TY CỔ PHẦN RELAX VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN RELAX VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM RELAX JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETNAM RELAX .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108058100

**3. Ngày thành lập:** 14/11/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6/228 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh:<br>- Bán lẻ thực phẩm chức năng (Điều 2 Luật An toàn thực phẩm số : 55/2010/QH12) | 4759     |
| 2.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4932     |
| 3.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5510     |
| 4.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5610     |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4652     |
| 6.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4100     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4653     |
| 8.  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5012     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | <p>Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (Trừ các công viên vui chơi và công viên chủ đề);</li> <li>- Dịch vụ trò chơi điện tử (Điều 3 nghị định số: 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013);</li> <li>- Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tự, dù che.v.v...;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9329 |
| 10. | <p>Bán buôn thực phẩm</p> <p>Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt</li> <li>- Bán buôn thủy sản</li> <li>- Bán buôn rau, quả</li> <li>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột</li> <li>- Bán buôn thực phẩm chức năng (Điều 2 Luật An toàn thực phẩm số : 55/2010/QH12)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4632 |
| 11. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).</li> <li>- Bán buôn thiết bị, phương tiện phòng cháy và chữa cháy (Điều 53 luật PCCC số 27/2001/QH10).</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác như: Các loại máy chơi game điện tử có thưởng...</li> </ul> | 4659 |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 13. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5022 |
| 14. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết: - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao nhận hàng hóa;</li> <li>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;</li> <li>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;</li> <li>- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển</li> <li>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5229 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Môi giới bất động sản<br>- Quản lý bất động sản<br>- Tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản<br>(Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)                                         | 6820        |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh                                   | 4663(Chính) |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322        |
| 18. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                       | 4511        |
| 19. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4512        |
| 20. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)<br>- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | 4530        |
| 21. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                | 4620        |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4651        |
| 23. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4662        |
| 24. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5630        |
| 25. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2824        |
| 26. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2592        |
| 27. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2591        |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                      | 4649        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2710 |
| 30. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4321 |
| 31. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3312 |
| 32. | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chi tiết: - Sản xuất máy đổi điện trạng thái rắn, máy đổi điện, pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh, cung cấp năng lượng liên tục;<br>- Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS);                                                                                                                                                                                                                            | 2790 |
| 33. | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2812 |
| 34. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3313 |
| 35. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3314 |
| 36. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2220 |
| 37. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610 |
| 38. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4220 |
| 39. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh:<br>- Bán lẻ thực phẩm chức năng (Điều 2 Luật An toàn thực phẩm số : 55/2010/QH12) | 4722 |
| 40. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4741 |
| 41. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4742 |
| 42. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6619 |
| 43. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5621 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005)<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 17 Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006)<br>-Đại diện thương nhân (Điều 141 Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005)    | 8299 |
| 45. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6810 |
| 46. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4210 |
| 47. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4290 |
| 48. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3320 |
| 49. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 21.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN CÔNG LỰC  | Số 1-Ngõ 125 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 648.000    | 6.480.000.000         | 30,000    | 011817455                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                               | Tổng số           | 648.000    | 6.480.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐẶNG VĂN KHOA    | Số 5 Phù Đồng Thiên Vương, Phường Ngõ Thi Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 648.000    | 6.480.000.000         | 30,000    | 0010560004<br>47                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                               | Tổng số           | 648.000    | 6.480.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ QUỲNH | Thôn 8, Xã Xuân Lộc, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                                | Cổ phần phổ thông | 864.000    | 8.640.000.000         | 40,000    | 0381850013<br>05                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                               | Tổng số           | 864.000    | 8.640.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG LỰC

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/09/1956

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011817455

Ngày cấp: 17/03/2004 Nơi cấp: công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1-Ngõ 125 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 6/228 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội